

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPHN2 ngày tháng năm của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

*Tiếng Việt: Giáo dục quốc phòng - an ninh*

*Tiếng Anh: National Defense and Security Education*

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành đào tạo: Giáo dục quốc phòng - an ninh;

Mã số: D140208

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Giáo dục quốc phòng - an ninh

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Vị trí việc làm: Giáo viên, giảng viên giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường trung học phổ thông, cao đẳng và các cơ sở giáo dục đại học. Chuyên viên quản lý môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở các sở giáo dục và đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Có khả năng tự học, bồi dưỡng và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn. Có thể học thêm các chuyên ngành gần, các chứng chỉ nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực, mở rộng cơ hội việc làm.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 9 năm 2022

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh trình độ đại học có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ toàn diện, có năng lực giảng dạy và tự học tập, nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục QP&AN, có khả năng làm việc độc lập sáng tạo và thích nghi với môi trường giáo dục QP&AN; đảm nhiệm tốt nhiệm vụ giảng dạy môn học giáo dục QP&AN từ bậc trung học phổ thông đến đại học và tham gia công tác quản lý chuyên môn tại các cơ quan, tổ chức GD&ĐT; có thể được xét phong quân hàm sĩ quan dự và tiếp tục học sau đại học chuyên ngành quản lý giáo dục.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Có bản lĩnh chính trị vững vàng; Có ý thức trách nhiệm công dân, phẩm chất đạo đức nhà giáo; Có ý thức trách nhiệm học tập, tu dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

<b>Mã</b>	<b>Mô tả</b>
M2	Có kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, thành thạo kỹ năng quân sự, vận dụng phù hợp trong giảng dạy và công tác. Sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
M3	Có kiến thức cơ bản về tâm lý học, lý luận dạy học; kiến thức chuyên sâu về lý luận dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và An ninh tại các cơ sở giáo dục.
M4	Có năng lực lập kế hoạch và quản lý hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và các hoạt động giáo dục khác ở các cơ sở giáo dục.
M5	Có khả năng tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ người học phát triển phẩm chất và năng lực qua dạy học môn GDQ&AN và các hoạt động giáo dục khác ở các cơ sở giáo dục.
M6	Có khả năng tự học, tự rèn, làm việc độc lập để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ
M7	Có khả năng làm việc nhóm, phát triển mối quan hệ hợp tác với các bên liên quan để nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục.
M8	Có kiến thức công nghệ thông tin và ngoại ngữ phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học.
M9	Có khả năng nghiên cứu về khoa học giáo dục và tham gia phát triển chương trình nhà trường.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

<b>Mã</b>	<b>Mô tả</b>
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và cuộc sống.
C2	Thể hiện ý thức tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất nhà giáo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
C3	Vận dụng hiệu quả tri thức nền tảng về đường lối quân sự của Đảng, Công tác quốc phòng, an ninh; tri thức chuyên sâu về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, quân sự chung và chiến thuật từ cá nhân đến cấp trung đội bộ binh để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và An ninh tại các cơ sở giáo dục.
C4	Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại các cơ sở giáo dục.

<b>Mã</b>	<b>Mô tả</b>
C5	Vận dụng hiệu quả tri thức chuyên sâu về tâm lý học quân sự, giáo dục học quân sự, lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục Quốc phòng và An ninh để giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại các cơ sở giáo dục.
C6	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C7	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn.
C8	Thực hiện tốt công tác chủ nhiệm ở trường phổ thông và công tác quản lý học sinh, sinh viên ở trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh; Tổ chức được hoạt động trải nghiệm và văn hóa quân chủng trong dạy học Giáo dục Quốc phòng và An ninh.
C9	Xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.
C10	Vận dụng được các phương pháp, hình thức dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.
C11	Vận dụng thành thạo các phương pháp, hình thức, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học trong Giáo dục Quốc phòng và An ninh.
C12	Thực hiện được các nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn Giáo dục Quốc phòng và An ninh ở các cơ sở giáo dục.
C13	Tư vấn, hỗ trợ được về các vấn đề liên quan đến Giáo dục Quốc phòng và An ninh cho người học, phụ huynh và các đối tượng khác.
C14	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua tập luyện các môn thể thao.
C15	Đề xuất và thực hiện được các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ trong nhà trường.
C16	Phát triển được mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, phụ huynh và các bên liên quan khác để nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục.

## 2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>								
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9
C1	x								
C2	x								
C3		x							
C4			x		x				

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể								
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9
C5			x						
C6								x	
C7								x	
C8					x				
C9				x					
C10				x	x				
C11				x	x				
C12									x
C13		x							
C14						x			
C15									x
C16							x		

### 2.3. Các chỉ số thực hiện

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
C1	<p>C1.1: Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>C1.2: Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống;</p> <p>C1.3: Nhận diện được quan điểm sai trái, phản động và có thể đưa ra ý kiến phản biện trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học.</p>
C2	<p>C2.1: Nghiêm túc, tích cực trong cả quá trình học tập rèn luyện</p> <p>C2.2: Thực hiện tốt các yêu cầu của môn học thông qua việc chuẩn bị bài học</p>
C3	<p>C2.1. Thực hiện tốt về đường lối chủ trương của Đảng pháp luật của nà nước về đường lối Quân sự, công tác quốc phòng an ninh.</p> <p>C2.2: Thực hiện được một số kỹ thuật chiến đấu bộ binh, quân sự chung trong chương trình để vận dụng thực hiện công tác giảng dạy môn học GDQP&amp;AN</p> <p>C2.3: Thực hiện vận dụng tốt kỹ thuật của cá nhân trong chiến đấu từ chiến thuật cá nhân đến cấp trung đội</p>
C4	<p>C4.1: Vận dụng được tri thức về tâm lí học, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên GDQP&amp;AN ở trường phổ thông;</p> <p>C4.2: Vận dụng được tri thức về lý luận dạy học, lý luận giáo dục để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên GDQP&amp;AN ở trường phổ thông;</p>

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Chỉ số thực hiện</b>
	C.4.3: Xây dựng được kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp
C5	<p>C5.1: Vận dụng được về tâm lý học, đặc biệt là tâm lý học Quân sự trong hoạt động giảng dạy môn học GDQP&amp;AN</p> <p>C5.2: Biết xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động nghiệp vụ sư phạm ở THPT</p> <p>C.5.3: Tổ chức hoạt động nghiệp vụ sư phạm gắn liền với môn học GDQP&amp;AN ở trường THPT và Trung tâm GDQP&amp;AN</p>
C6	<p>C6.1: Hiểu được các ý chính của một văn bản hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...</p> <p>C6.2: Có thể xử lý hầu hết các tình huống đơn giản yêu cầu sử dụng Tiếng Anh xảy ra trong giao tiếp thường ngày;</p> <p>C6.3: Viết được văn bản tiếng Anh đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm;</p> <p>C6.4: Sử dụng tiếng Anh để mô tả những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão, kế hoạch của bản thân và trình bày ngắn gọn các lý do liên quan.</p>
C7	<p>C7.1: Lựa chọn và sử dụng thành thục các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ thích hợp để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông;</p> <p>C7.2: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng vào giáo dục và quản lý học sinh;</p> <p>C7.3: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng để hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ.</p>
C8	<p>C8.1: Thực hiện công tác chủ nhiệm bảo đảm theo yêu cầu của trường THPT đề ra</p> <p>C8.2: Thực hiện được chức trách của công tác quản lý sinh viên ở Trung tâm GDQP&amp;AN</p> <p>C8.3: Biết xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động ngoại khóa gắn liền với môi trường quân sự</p>
C9	<p>C9.1: Lập kế hoạch giảng dạy môn học phù hợp đáp ứng với yêu cầu thực tế và của địa phương</p> <p>C9.2: Đánh giá được năng lực của người học trên các công cụ sẵn có.</p> <p>C9.3: Biết cách điều chỉnh kế hoạch linh hoạt phù hợp với yêu cầu thực tiễn</p>
C10	<p>C10.1: Nắm được các phương pháp, hình thức dạy học môn học GDQP&amp;AN</p> <p>C10.2: Biết vận dụng các phương pháp, hình thức phù hợp theo hướng phát triển phẩm chất năng lực trong GDQP&amp;AN</p>

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Chỉ số thực hiện</b>
C11	C11.1: Sử dụng được các thiết bị trong đánh giá môn học GDQP&AN C11.2: Biết xây dựng công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất năng lực trong GDQP&AN C11.3: Biết tổ chức triển khai đánh giá môn học đáp ứng với yêu cầu thực tiễn
C12	C12.1: Biết tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học sư phạm ứng dụng trong GDQP&AN C12.2: Biết xây dựng đề cương, bài viết trên các tạp trí trong nghiên cứu khoa học C12.3: Giải quyết được các vấn đề thực tiễn phát sinh trong GDQP&AN ở các cơ sở giáo dục và đào tạo
C13	C13.1: Biết tư vấn cho người học, phụ huynh khi liên quan đến nội dung GDQP&AN C13.2: Biết hỗ trợ cho người liên quan đến nội dung GDQP&AN
C14	Đối với một số môn thể dục thể thao phổ biến: C14.1: Mô tả được các tác dụng, kỹ thuật cơ bản và quy định chính. C14.2: Thực hiện các động tác cơ bản đúng kỹ thuật và quy định; C14.3: Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện các môn thể dục thể thao.
C15	C15.1: Đưa ra được các biện pháp xây dựng môi trường GDQP&AN phù hợp môi trường giáo dục và đào tạo C15.2: Các biện pháp phải phù hợp với thực tiễn C15.3: Tạo ra được môi trường văn hóa gắn liền với môi trường quân sự
C16	C16.1: Biết tạo nên cộng đồng xã hội thân thiện giữa người học và người dạy thông qua môi trường giáo dục C16.2: Biết phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh C16.3: Biết chia sẻ và vận dụng kiến thức chuyên môn của đồng nghiệp trong giáo dục và đào tạo

### 3. Chuẩn đầu vào

Tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên.

### 4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

<b>TT</b>	<b>Các khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b> (Không tính các học phần Giáo dục thể chất)	<b>22</b>
I.1	Giáo dục chính trị	11

<b>TT</b>	<b>Các khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
I.2	Kiến thức đại cương	04
I.3	Ngoại ngữ	07
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên ngành</b>	<b>105</b>
II.1.	Cơ sở ngành/nhóm ngành	10
II.2.	Chuyên ngành	51
	- <i>Bắt buộc</i>	49
	- <i>Tự chọn</i>	02
II.3.	Nghiệp vụ sư phạm	37
	- <i>Bắt buộc</i>	33
	- <i>Tự chọn</i>	04
II.4.	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	07
	<b>TỔNG</b>	<b>127</b>

## 5. Chiến lược dạy - học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học.

Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) **Dạy học phân hóa** (Differentiated Instruction): Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) **Học tập tích cực** (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội....

(3) **Học tập theo câu hỏi** (Inquiry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) **Học tập kết hợp** (Blended Learning): Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp. Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) **Lớp học đảo ngược (flipped classroom)**: Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy. Thời gian lên lớp trực tiếp

(6) **Học tập hợp tác** Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và xã hội.

## **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **6.1. Quy trình đào tạo**

#### *6.1.1. Chương trình đào tạo*

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.

b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kì phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

#### *6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo*

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.



## 7. Cách thức đánh giá

### 7.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

### 7.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

#### 7.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (được làm tròn tới một chữ số thập phân). Các hình thức đánh giá, loại điểm thành phần và trọng số mỗi loại điểm thành phần được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

#### 7.2.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kì, năm học

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;
- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khoá học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;
- Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khoá học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

## 8. Nội dung chương trình

### 8.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp	P	T	S	

				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>		<b>22</b>						
<b>I.1</b>	<b>Giáo dục chính trị</b>								
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	3	32	26			92	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	2	21	18			61	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	2	21	18			61	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	2	21	18			61	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CT115	2	21	18			61	
<b>I.2</b>	<b>Kiến thức đại cương</b>								
6	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			55	
7	Tin học	TH101	2	15	15	15		55	
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>								
8	Tiếng Anh B1.1	TA101	3	30	15	15		90	
9	Tiếng Anh B1.2	TA102	2	15	15	15		55	
10	Tiếng Anh B1.3	TA103	2	15	15	15		55	
<b>I.4</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>								
11	Giáo dục thể chất 1	TC101	1			30		20	
12	Giáo dục thể chất 2	TC102	1			30		20	
13	Giáo dục thể chất 3	TC103	1			30		20	
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên ngành</b>								
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>								
14	Học thuyết Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	QA202	2	15	30			55	
15	Đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam	QA811	2	15	30			55	
16	Tâm lý học quân sự	QA204	2	15	30			55	
17	Giáo dục học quân sự	QA206	2	15	30			55	
18	Công tác Đảng, công tác chính trị trong QĐND Việt Nam	QA705	2	15	30			55	
<b>II.2</b>	<b>Chuyên ngành</b>		<b>51</b>						
	<b>Bắt buộc</b>		<b>49</b>						

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
19	Điều lệnh quản lý bộ đội	QA706	2	15		30		55	
20	Động tác đội ngũ từng người	QA805	3			90		60	
21	Đội ngũ đơn vị	QA806	2			60		40	
22	Thể thao quốc phòng	QA303	2			60		40	
23	Vũ khí bộ binh	QA302	3	30		30		90	
24	Lý thuyết bắn và quy tắc bắn súng bộ binh	QA807	2	15		30		55	
25	Kỹ thuật bắn súng bộ binh	QA808	2			60		40	
26	Lựu đạn và kỹ thuật sử dụng lựu đạn	QA809	2	15		30		55	
27	Địa hình quân sự	QA312	2	15	15	15		55	
28	Công sự, vật cản, thuốc nổ, vũ khí tự tạo	QA707	3	15		60		75	
29	Chiến thuật cá nhân	QA810	3			90		60	
30	Chiến thuật tổ, tiểu đội bộ binh	QA708	2			60		40	
31	Chiến thuật trung đội bộ binh	QA316	2	15		30		55	
32	Chiến thuật từng người, tổ dân quân tự vệ chiến đấu	QA913	3			90		60	
33	Chiến thuật tiểu đội, trung đội dân quân tự vệ chiến đấu	QA914	2			60		40	
34	Lịch sử, truyền thống quân đội và công an	QA305	2	15	30			55	
35	Công tác bảo đảm hậu cần, quân y	QA310	2	15		30		55	
36	Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt nam	QA205	2	15	30			55	
37	Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội	QA812	2	15	30			55	
38	Vũ khí hủy diệt lớn	QA602	2	15		30		55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
39	Công tác quốc phòng, quân sự địa phương	QA704	2	15	30			55	
40	Văn hóa quân chủng trong lực lượng vũ trang	QA304	2	15		30		55	
	<b>Tự chọn:</b> Chọn 1 trong số các học phần sau:		<b>2</b>						
41	Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự thế giới	QA203	2	15	30			55	
42	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và hiểu biết chung về quân binh chủng	QA815	2	15	30			55	
43	Thông tin tác chiến điện tử và phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	QA815	2	15	30			55	
<b>II.3 Nghiệp vụ sư phạm</b>									
<i>Bắt buộc</i>									
44	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	2	15	30			55	
45	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	2	15	30			55	
46	Tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi THPT (Tâm lý học 2)	TL502	2	15	30			55	
47	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường THPT (Giáo dục học 2)	GD502	2	15	30			55	
48	Phương pháp NCKH giáo dục và chuyên ngành GDQP&AN	QA911	2	15	30			55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
49	Phát triển chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh	QA901	2	15	30			55	
50	Lý luận dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh	QA902.1	2	15	30			55	
51	Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	QA402.1	3	30	30			90	
52	Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	QA903.1	3	15	15	45		75	
53	Thực tế tại đơn vị Quân đội	QA916	2				60		
54	Thực hành sư phạm 1	QA904.1	2	15		30		55	
55	Thực hành sư phạm 2	QA905.1	2	15		30		55	
56	Thực tập sư phạm 1	QA501	3				150		
57	Thực tập sư phạm 2	QA502	4				200		
	<i>Tự chọn (Chọn 2 trong số các học phần)</i>		<b>4</b>						
58	Giao tiếp sư phạm	TL505	2	15			30	45	
59	Tổ chức HĐ trải nghiệm, trong dạy học GDQP&AN	QA912.1	2	15		30		45	
60	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh	QA906	2	15		30		45	
<b>II.4</b>	<b><i>Khoá luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</i></b>								
61	<b><i>Khoá luận tốt nghiệp</i></b>	QA801	7					350	
	<b><i>Các học phần thay thế</i></b>								
62	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn	QA907	3	30	30			90	





Học phần	Chuẩn đầu ra															
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16
QA913			T													
QA914			T													
QA305			T													
QA310			T													
QA205			T													
QA812			T													
QA602			T													
QA704			T													
QA304			T					T								
QA203			T													
QA915			T													
QA815			T													
TL501				T												
GD501				T												
TL502				T												
GD502				T												
QA911												T				
QA901			U		T											
QA902.1			U		T					T	T					
QA402.1			U		T				T	T	T					
QA903.1			U		T				T	T	T					
QA916	U	T	U	U	U		U	T	T	T	T		T		T	T
QA904.1	U	T						T					T			T
QA905.1	U	T	U	U	U		U		T	T	T					



Học phần	Chuẩn đầu ra															
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16
QA501	U	T	U	U	U		U	T	T	T	T		T		T	T
QA502	U	T	U	U	U		U	T	T	T	T		T		T	T
TL505				U	U			T								T
QA912.1			U					T								
QA906					U					U	T					
QA907	T		T													
QA908	T		T													
QA909	T		T													
QA910	T		T													

### 9. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
TH101	2							
TC101	1							
CT111	3							
A2101.1	3							
QA805	3							
QA706	2							
QA302	3							
<b>Tổng cộng kỳ 1</b>	<b>16</b>							
CT112		2						
TC102		1						
A2102.1		2						
PL101		2						
TL501		2						
GD501		2						
QA806		2						
QA807		2						
QA808		2						

<b>Tổng cộng kỳ 2</b>		<b>16</b>					
CT113			2				
TC103			1				
A2103.1			2				
TL502			2				
GD502			2				
QA810			3				
QA902.1			2				
QA402.1			3				
<b>Tổng cộng kỳ 3</b>		<b>16</b>					
CT103				2			
QA202				2			
QA204				2			
QA206				2			
QA303				2			
QA809				2			
QA903.1				3			
QA904.1				2			
<b>Tổng cộng kỳ 4</b>				<b>17</b>			
CT115					2		
QA205					2		
QA304					2		
QA305					2		
QA501					3		
QA602					2		
<b>Tự chọn: Chọn 2 trong số các học phần sau:</b>					4		
TL305					2		
QA906					2		
QA912.1					2		
<b>Tổng cộng kỳ 5</b>					<b>17</b>		
QA310						2	
QA312						2	
QA704						2	
QA707						3	
QA708						2	
QA911						2	
QA913						3	
<b>Tổng cộng kỳ 6</b>						<b>16</b>	

QA811							2		
QA705							2		
QA316							2		
QA812							2		
QA901							2		
QA905.1							2		
QA914							2		
QA916							2		
<b>Tự chọn: Chọn 1 trong số các học phần sau:</b>							<b>2</b>		
QA203							2		
QA815							2		
QA915							2		
<b>Tổng cộng kỳ 7</b>							<b>18</b>		
QA502								4	
QA801	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn chuyên ngành thay thế (chọn 2 trong số 4 học phần, sao cho tổng số tín chỉ = 07)								7
QA907								3	
QA908								3	
QA909								4	
QA910								4	
<b>Tổng cộng kỳ 8</b>								<b>11</b>	

## 10. Mô tả tóm tắt các học phần

### 10.1. Triết học Mác - Lênin ( 03 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng và những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

### 10.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

### **10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **10.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, có mục tiêu, lý tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

### **10.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng; Môn học có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý luận chính trị vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

### **10.6. Pháp luật đại cương (02 tín chỉ)**

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lý trong công việc, trong thực tiễn và hình thành ý thức tự giác trong tuân thủ pháp luật.

### **10.7. Tin học (02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học bao gồm: kiến thức cơ bản về máy tính; kiến thức về mạng máy tính và Internet; kiến thức và kỹ năng làm việc với các ứng dụng văn phòng.

### **10.8. Tiếng Anh B1.1 (3 tín chỉ)**

Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; củng cố và nâng cao vốn từ vựng.

### **10.9. Tiếng Anh B1.2 (2 tín chỉ)**

Nắm được kiến thức ngữ pháp cơ bản, kiến thức đất nước học, phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ,

### **10.10. Tiếng Anh B1.3 (2 tín chỉ)**

Nắm vững những kiến thức cơ bản của tiếng Anh và có thể truyền đạt những nhu cầu đơn giản và cơ bản. Có thể hiểu các câu và cấu trúc thông dụng về các lĩnh vực liên quan trực tiếp nhất. Có thể giao tiếp trong các công việc đơn giản và lặp lại đòi hỏi việc trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc và lặp lại. Có thể mô

tả bằng từ ngữ đơn giản các khía cạnh về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

#### **10.11. Giáo dục thể chất 1 (01 tín chỉ)**

Môn học GDTC 1 được cấu trúc gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành

- Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y - Sinh học TĐTT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh ( tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

+ Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục.

+ Thực hành nội dung chạy cự ly trung bình.

+ Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

#### **10.12. Giáo dục thể chất 2, Giáo dục thể chất 3 (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TĐTT, y – sinh học TĐTT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động.

Nội dung môn học GDTC 2, GDTC 3 bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết ( 06 tiết), thực hành ( 24 tiết).

#### **10.13. Học thuyết Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc (02 tín chỉ)**

Môn học đề cập những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Môn học làm rõ giá trị tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; định hướng cơ bản cho việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

#### **10.14. Đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên những chủ trương lãnh đạo của Đảng về công tác quân sự, thể hiện qua các quan điểm, đường lối về chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh. Nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin cho người học vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta.

#### **10.15. Tâm lý học quân sự (02 tín chỉ)**

Môn học đi sâu nghiên cứu những vấn đề chung về tâm lý học quân sự, tâm lý học nhân cách học sinh sinh viên; tâm lý học tập thể học sinh sinh viên, hiểu biết về chiến tranh tâm lý của các thế lực thù địch. Xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, hình thành tâm thế sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang cho học sinh.

#### **10.16. Giáo dục học quân sự (02 tín chỉ)**

Môn học đề cập đến quá trình sư phạm quân sự; bản chất, quy luật của quá trình huấn luyện học sinh, sinh viên; phương pháp, hình thức dạy học, đặc trưng và nguyên tắc

giáo dục; văn hóa sư phạm của người giáo viên GDQP và AN; Vận dụng vào thực tiễn quản lý quá trình giáo dục học sinh, sinh viên ở nhà trường sau này

### **10.17. Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam (02 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về: Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam; Vị trí vai trò, nhiệm vụ và những nguyên tắc tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội nhân dân Việt Nam; Công tác tư tưởng; công tác tổ chức; công tác chi bộ; công tác chi đoàn ở đại đội; Tổ chức thi đua trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Giúp người học biết cách liên hệ, vận dụng và tổ chức thực hiện trong các hoạt động cụ thể ở nhà trường.

### **10.18. Điều lệnh quản lý bộ đội (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của Điều lệnh quản lý bộ đội: chức trách và mối quan hệ quân nhân; lễ tiết tác phong quân nhân; chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập và công tác; đóng quân, canh phòng; quản lý quân nhân và tài sản quân nhân; khen thưởng và xử phạt; khiếu nại, tố cáo; mười lăm thẻ danh dự và mười hai điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân của người quân nhân cách mạng.

Là cơ sở để thực hiện nền nếp chính quy, chế độ sinh hoạt, học tập và rèn luyện bản thân theo môi trường quân đội, gắn với quá trình giảng dạy các nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh.

### **10.19. Động tác đội ngũ từng người (03 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên hiểu ý nghĩa và thực hành thuần thục các động tác đội ngũ từng người không có súng và đội ngũ từng người có súng, rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, kỹ năng thực hiện động tác chuẩn xác làm cơ sở vững chắc cho việc giảng dạy nội dung điều lệnh đội ngũ cá nhân sau này

### **10.20. Đội ngũ đơn vị (02 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên hiểu và nắm vững thứ tự các bước tập hợp đội hình, điểm quân số, chỉnh đốn hàng ngũ, giải tán của cấp phân đội bộ binh; nắm được đội hình cơ bản và cách tập hợp tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn. Biết vận dụng vào việc tập hợp đội hình khi hoạt động tập trung ở nhà trường.

### **10.21. Thể thao quốc phòng (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên hiểu biết một số kiến thức cơ bản về thể thao quốc phòng, thông qua tập luyện để phát triển các tố chất về thể lực, nâng cao sức khỏe toàn diện; Nắm vững và phân tích được các động tác võ cơ bản, võ đồng diễn, biết tổ chức thực hành huấn luyện, thi đấu và luyện tập nâng cao; Nắm chắc điều lệ và quy tắc thi đấu các nội dung bắn súng bộ binh, ném lựu đạn xa trúng hướng và chạy vũ trang.

Giúp sinh viên có thể vận dụng trong quá trình dạy học sau này như: củng cố kỹ năng sử dụng các loại súng bộ binh, các tư thế vận động, động tác chiến thuật cá nhân trong chiến đấu tiến công phòng ngự và các nội dung rèn luyện học tập, sinh hoạt tại nhà trường.

### **10.22. Vũ khí bộ binh (03 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản để nhận biết được các loại vũ khí và hỏa khí đi cùng bộ binh (súng AK, CKC, RPD, B40, B41, K54); Nắm vững tác dụng, tính năng, cấu tạo, nguyên lý chuyển động của súng, đạn các loại vũ khí bộ binh (súng AK, CKC, RPD, B40, B41, K54); Nắm vững nguyên tắc, động tác tháo lắp thông thường, cách lau chùi bảo quản các loại vũ khí bộ binh (súng AK, CKC, RPD, B40, B41, K54).

#### **10.23. Lý thuyết bắn và quy tắc bắn súng bộ binh (02 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản sự cháy của thuốc phóng, sức giạt và góc nảy của đường đạn trong nòng; chuyển động của đầu đạn, các dạng đường đạn, khoảng nguy hiểm, khoảng che đỡ, khoảng an toàn của đường đạn ngoài nòng; nắm được các nội dung quy tắc chung của súng bộ binh (AK, CKC, B40, B41, K54).

#### **10.24. Kỹ thuật bắn súng bộ binh (02 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên hiểu và nắm vững một số nội dung cơ bản về tư thế, động tác bắn súng bộ binh. Nắm vững động tác chuẩn bị, thực hành luyện tập bắn súng, phương pháp kiểm tra bắn tại chỗ và biết kiểm tra, hiệu chỉnh các loại súng bộ binh (AK, CKC, K54).

#### **10.25. Lựu đạn và kỹ thuật sử dụng lựu đạn (02 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên hiểu nắm vững tính năng, cấu tạo, chuyển động gây nổ của một số loại lựu đạn. Nắm vững quy tắc sử dụng lựu đạn và tư thế động tác ném lựu đạn, đảm bảo an toàn người và vũ khí trang bị trong huấn luyện, kiểm tra.

#### **10.26. Địa hình quân sự (02 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình: khái niệm, phân loại; ký hiệu địa vật, dáng đất; chữ viết tắt và các ký hiệu quân sự trên bản đồ. Nắm vững tác dụng, cấu tạo, cách sử dụng các phương tiện: ống nhòm, địa bàn, thước chỉ huy; Hiểu rõ ứng dụng của bản đồ số trong lĩnh vực quân sự; nắm chắc các quy định về công tác bảo quản, giữ gìn trang thiết bị.

Giúp sinh viên vận dụng tìm hiểu, nghiên cứu, phát huy năng lực, kiến thức tự duy, hình thành kỹ năng sư phạm để giảng dạy và phát triển chương trình GDQP&AN tại các trường THPT.

#### **10.27. Công sự, vật cản, thuốc nổ, vũ khí tự tạo (03 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại công sự, vật cản, thuốc nổ, vũ khí tự tạo đã được sử dụng trong chiến đấu. Biết cách phác họa và đào công sự; biết khắc phục và bố trí các loại vật cản; biết gói buộc lựu nổ, làm và bố trí một số loại vũ khí tự tạo. Sinh viên hiểu rõ các kiến thức về quân sự và rèn luyện kỹ năng của người chiến sĩ trong chiến đấu; qua đó củng cố kỹ năng làm động tác mẫu trong giảng dạy.

#### **10.28. Chiến thuật cá nhân (03 tín chỉ)**

Chiến thuật cá nhân trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về động tác chiến thuật của từng người trong chiến đấu, vận dụng các động tác cơ bản trong chiến đấu, lợi dụng địa hình địa vật một cách linh hoạt vào địa hình cụ thể để thực hiện hành

động tiếp cận đánh địch ở các mục tiêu. Nắm chắc nội dung chiến thuật cá nhân là cơ sở cho việc học tập nội dung chiến thuật tổ bộ binh, tiểu đội bộ binh, trung đội bộ binh đạt kết quả.

### **10.29. Chiến thuật tổ, tiểu đội bộ binh (02 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về chiến thuật tổ và tiểu đội bộ binh: nắm vững vị trí, nhiệm vụ của tổ, tiểu đội bộ binh trong chiến đấu tiến công và chiến đấu phòng ngự; hiểu và phân tích được yêu cầu chiến thuật, cách đánh và hành động của tổ, tiểu đội bộ binh trong công tác chuẩn bị và thực hành đánh chiếm các mục tiêu. Trên cương vị tổ trưởng, tiểu đội trưởng chỉ huy đơn vị tập bài, vận dụng linh hoạt các tình huống và địa hình cụ thể. Thông qua các hoạt động chỉ huy tiểu đội, người học biết cách xử trí linh hoạt các tình huống trong thực tế; biết vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy sau này

### **10.30. Chiến thuật trung đội bộ binh (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về chiến thuật trung đội bộ binh: Nắm vững vị trí, nhiệm vụ, khả năng chiến đấu của trung đội bộ binh khi làm nhiệm vụ đột kích 1 và trong chiến đấu phòng ngự; hiểu và phân tích được tình hình địch, tư tưởng chỉ đạo, yêu cầu chiến thuật, cách đánh của trung đội bộ binh trong các nhiệm vụ cụ thể. Biết đánh giá tình hình địch, tình hình địa hình, hạ quyết tâm, giao nhiệm vụ cho các tiểu đội, biết tổ chức hiệp đồng chiến đấu với cấp trên và đơn vị bạn; biết công tác tổ chức chuẩn bị và thành thạo chỉ huy trung đội bộ binh trong các hành động chiến đấu;

Thông qua các hoạt động chỉ huy trung đội, người học biết cách xử trí linh hoạt các tình huống trong thực tế; biết vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy sau này.

### **10.31. Chiến thuật từng người, tổ dân quân tự vệ chiến đấu (32 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về chiến thuật từng người và tổ dân quân tự vệ trong chiến đấu, bao gồm các nội dung: từng người, tổ dân quân tự vệ đánh chiếm mục tiêu; từng người, tổ dân quân tự vệ chiến đấu ngăn chặn; từng người, tổ dân quân tự vệ làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác. Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế giảng dạy và công tác.

### **10.32. Chiến thuật tiểu đội, trung đội dân quân tự vệ chiến đấu (02 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về chiến thuật tiểu đội, trung đội dân quân tự vệ chiến đấu. Thông qua các hoạt động chỉ huy tiểu đội, trung đội dân quân tự vệ, người học biết cách xử trí linh hoạt các tình huống trong thực tế, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế giảng dạy sau này.

### **10.33. Lịch sử, truyền thống Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam (02 tín chỉ)**

Giới thiệu những vấn đề về lịch sử, truyền thống quân đội và công an nhân dân Việt Nam: quá trình ra đời, trưởng thành và phát triển qua từng giai đoạn lịch sử của các lực lượng vũ trang nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Khơi dậy niềm tự hào dân tộc và khích lệ tinh thần yêu nước, ý chí phấn đấu cho thế hệ trẻ.

### **10.34. Công tác đảm bảo hậu cần, quân y (02 tín chỉ)**



Giới thiệu cho sinh viên hiểu và nắm được hệ thống tổ chức hậu cần và công tác bảo đảm hậu cần trong QĐND Việt Nam. Nắm được kỹ thuật đào và sử dụng bếp Hoàng Cầm; kỹ thuật mắc tăng, võng trong hoạt động dã ngoại. Nắm được công tác bảo đảm vệ sinh trong hành, trú quân dã ngoại. Hiểu được nguyên nhân, cách cấp cứu ban đầu và dự phòng một số tai nạn thường gặp bằng biện pháp đơn giản. Nắm được kiến thức cơ bản ban đầu về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, sơ cứu bỏng, hô hấp nhân tạo, chuyển thương. Biết vận dụng kiến thức vào giảng dạy và xử lý tình huống thực tế xảy ra.

### **10.35. Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam (02 tín chỉ)**

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ thế kỷ thứ III TCN đến thế kỷ thứ XVIII; Chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược giai đoạn 1945 -1954; Chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 -1975; Một số vấn đề nghệ thuật quân sự trong điều kiện chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao.

### **10.36. Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

### **10.37. Vũ khí hủy diệt lớn (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất, tác hại của một số loại vũ khí hủy diệt lớn (Vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí cháy); Cách phân loại và các phương tiện địch thường sử dụng vũ khí hủy diệt lớn; Các nguyên tắc phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Các loại khí tài phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Công tác bảo đảm phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Hành động của phân đội trong chiến đấu khi địch tập kích vũ khí hủy diệt lớn; giúp người học nắm và vận dụng mở rộng các kiến thức khi giảng dạy về nội dung phòng tránh một số loại bom, đạn và thiên tai...

### **10.38. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương (02 tín chỉ)**

Môn học tập trung giới thiệu những vấn đề về công tác quốc phòng, quân sự địa phương trong tình hình mới: xây dựng lực lượng vũ trang địa phương; xây dựng xã chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện; xây dựng khu vực phòng thủ huyện; hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với công an giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội; Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chỉ huy trưởng quân sự xã, phường thị trấn; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ ở xã, phường thị trấn ; xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên ở cơ sở.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về công tác quốc phòng, quân sự địa phương, để nghiên cứu, vận dụng trong học tập, công tác giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng - an ninh. Góp phần bồi dưỡng kỹ năng, năng lực sư phạm cần thiết để giảng dạy, hướng dẫn vận dụng thực hiện nội dung về quốc phòng, an ninh trong các nhà trường.

### **10.39. Văn hóa quần chúng trong lực lượng vũ trang (02 tín chỉ)**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác văn hóa văn nghệ quần chúng, những quan điểm của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, tổ chức và hoạt động của phòng Hồ Chí Minh trong quân đội. Học các bài hát truyền thống, các điệu vũ quốc tế trong quân đội nhân dân Việt Nam. Góp phần bồi dưỡng kiến thức, năng lực cảm thụ, đánh giá và tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ để vận dụng trong giảng dạy môn học, hoàn thiện nhân cách người giáo viên, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh.

### **10.40. Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự thế giới (02 tín chỉ)**

Môn học nghiên cứu về Chiến tranh và nghệ thuật quân sự trong các thời đại: chiếm hữu nô lệ, Phong kiến, Tư bản chủ nghĩa, Đế quốc chủ nghĩa; Nghệ thuật quân sự trong chiến tranh thế giới lần thứ hai; Các cuộc chiến tranh và sự phát triển của nghệ thuật quân sự từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

### **10.41. Tổ chức quân đội nhân dân Việt Nam và hiểu biết chung về quân binh chủng (02 tín chỉ)**

Môn học giới thiệu về tổ chức quân đội nhân dân Việt Nam và lịch sử hình thành, phát triển của các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

### **10.42. Thông tin tác chiến điện tử và phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao (02 tín chỉ)**

Môn học đề cập đến các nội dung về thông tin tác chiến điện tử và khả năng tác chiến điện tử của địch; trang bị một số biện pháp phòng chống tác chiến điện tử của địch trong chiến tranh hiện đại; giúp người học hiểu và phân tích được vị trí vai trò của chiến tranh thông tin. Hiểu rõ tính năng chiến đấu, đặc điểm nổi bật và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch; Nắm chắc các biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao trong chiến tranh hiện đại.

### **10.43. Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1- 02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những đặc tính cơ bản, những đặc điểm và những quy luật chung của tâm lí và ý thức của con người như là đặc tính của bộ não và của sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan. Học phần có quan hệ với các học phần khác trong CTĐT như: Triết học Mác-Lênin, Tâm lý lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.

### **10.44. Những vấn đề chung của giáo dục học (Giáo dục học 1 - 02 tín chỉ)**

Học phần bao gồm: những vấn đề chung về giáo dục và giáo dục học - một khoa học về giáo dục con người; mục đích, tính chất, nguyên lý giáo dục và những nhiệm vụ, nội dung giáo dục; công tác quản lý nhà trường; người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như : Tâm lý học đại cương, Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông.

### **10.45. Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (Tâm lý học 2 - 02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và học sinh THPT, những quy luật tâm lý của các quá trình giảng dạy và giáo dục đối với học sinh; đồng thời hình thành tình cảm của sinh viên với nghề sư phạm thông qua hiểu biết về vai trò, vị trí và các yêu cầu phẩm chất, năng lực của người thầy giáo. Học phần có quan hệ với các học phần khác như: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Phương pháp giảng dạy môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

**10.46. Lí luận dạy học và lí luận giáo dục ở trường phổ thông (Giáo dục học 2 - 02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và nội dung, phương pháp công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học; Những vấn đề chung về giáo dục học; Phương pháp giảng dạy bộ môn; Thực hành sư phạm.

**10.47. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và chuyên ngành Giáo dục quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ)**

Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản về khoa học, về phương pháp nghiên cứu khoa học; nắm được các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu. Xây dựng cho người học kỹ năng lập đề cương nghiên cứu của một đề tài nghiên cứu khoa học hoặc khóa luận tốt nghiệp; phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khi sinh viên tốt nghiệp ra trường; giúp cho việc phát triển và hoàn thiện kỹ năng sư phạm của người giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh.

**10.48. Phát triển chương trình môn học giáo dục quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ)**

Môn học giới thiệu những vấn đề chung về chương trình dạy học, nguyên tắc xây dựng chương trình dạy học, các phương pháp xây dựng chương trình dạy học; phân tích vị trí, mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay; làm cơ sở để người học có thể tham gia phát triển chương trình nhà trường trong các cơ sở giáo dục từ THPT đến đại học.

**10.49. Lý luận dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ)**

Môn học đề cập tới những vấn đề chung về lý luận dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh; quan điểm, nguyên tắc, các mối quan hệ trong dạy học; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Giới thiệu các kỹ năng sư phạm cần thiết của người giáo viên Giáo dục quốc phòng an ninh và xu hướng phát triển mới của lý luận dạy học đại học hiện nay.

**10.50. Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (03 tín chỉ)**

Môn học tập trung giới thiệu những vấn đề chung về nội dung dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh; chương trình, tài liệu của các cấp học. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học, thiết kế giáo án theo hướng tích cực. Trang bị các kỹ năng dạy học cơ bản để vận dụng thực hiện trong quá trình giảng dạy.

**10.51. Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (03 tín chỉ)**

Môn học tập trung giới thiệu những vấn đề về tổ chức và phương pháp chuẩn bị; tổ chức và phương pháp thực hành giảng dạy các bài lý thuyết và thực hành trong chương trình dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh; trang bị cho sinh viên kỹ năng chuẩn bị chuẩn bị và thực hành giảng dạy đối với từng loại bài cụ thể.

#### **10.52. Thực tế tại đơn vị Quân đội (02 tín chỉ)**

Học phần giúp sinh viên hiểu biết được thực tế sinh hoạt, học tập, rèn luyện kỷ luật, xây dựng nền nếp chính quy trong các đơn vị Quân đội, hình thành nếp sống quân sự, vận dụng vào thực tế giảng dạy và công tác.

#### **10.53. Thực hành sư phạm 1 (02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết khái quát nhất về: vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp, người cán bộ quản lý sinh viên. Tổ chức cho người học thực hành trong môi trường giả định các kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp, công tác quản lý học sinh, sinh viên để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giáo dục trong các cơ sở giáo dục từ THPT đến đại học.

#### **10.54. Thực hành sư phạm 2 (02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào việc tổ chức cho người học thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong trường THPT; nghiên cứu đề tài khoa học sư phạm ứng dụng. củng cố kỹ năng giảng dạy cho người học về các nội dung dạy học lý thuyết và thực hành để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục từ THPT đến đại học.

#### **10.55. Thực tập sư phạm 1 (03 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về môi trường học tập GDQP&AN ở trường THPT; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định các kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; công tác quản lý học sinh, sinh viên; quản lý hành vi của người học trên lớp để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn GDQP&AN.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

- Vận dụng các kiến thức đã học ở các học phần: tâm lý học, giáo dục học, các nội dung kiến thức chuyên ngành, phương pháp dạy học môn GDQP&AN trong xây dựng kế hoạch bài học và bước đầu tiến hành tập giảng một số nội dung cụ thể của chương trình môn học phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể.

#### **10.56. Thực tập sư phạm 2 (04 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào việc tổ chức cho sinh viên thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong nhà trường; nghiên cứu đề tài khoa học sư phạm ứng dụng. Học

phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

Vận dụng các kiến thức đã học ở các học phần: tâm lý học, giáo dục học, các kiến thức kỹ năng quân sự, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong xây dựng kế hoạch bài học; thực hành giảng dạy trên lớp hoặc ngoài thao trường bãi tập, dưới sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn, về các nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể.

#### **10.57. Giao tiếp sư phạm (02 tín chỉ)**

Tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh THPT, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường THPT; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.

#### **10.58. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo thông qua dạy học môn GDQP&AN; cách hướng dẫn học sinh, sinh viên thực hiện các hoạt động này.

Môn học hướng dẫn cách xây dựng môi trường trải nghiệm thực tế thông qua các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để người học vận dụng vào việc tổ chức các sự kiện, các hoạt động, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể trong các cơ sở giáo dục từ THPT đến đại học.

#### **10.59. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ)**

Học phần giới thiệu ý nghĩa, vai trò của công tác kiểm tra, đánh giá; hình thức, phương pháp tiến hành và các tiêu chí kiểm tra đánh giá trong dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh; phương pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học GDQP&AN cho các đối tượng, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục từ THPT đến đại học.

#### **10.60. Khóa luận tốt nghiệp (07 tín chỉ)**

Khóa luận giúp cho những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận biết vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học và kết quả quá trình đi thực tập để xây dựng và hoàn thành một bài tập lớn với yêu cầu cao về sự tích lũy và tổng hợp kiến thức; đồng thời rèn cho sinh viên tính độc lập, tự chủ trong nghiên cứu khoa học của mình.

#### **10.61. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam (03 tín chỉ)**

Môn học giới thiệu những vấn đề chung về dân tộc, đặc điểm các dân tộc Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay; giới thiệu khái niệm, nguồn gốc của tôn giáo; tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; tình hình tôn giáo Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay. Giới thiệu về âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các

thế lực thù địch và các giải pháp mà Đảng và Nhà nước ta đề ra để đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn của địch.

### **10.62. Pháp luật về quốc phòng, an ninh (03 tín chỉ)**

Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật; pháp luật hành chính quân sự và hệ thống pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh; nội dung cơ bản của một số Luật như: Luật Quốc phòng; Luật An ninh quốc gia; Luật Công an nhân dân; Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam; Luật Dân quân tự vệ; Luật giáo dục quốc phòng và an ninh. Để sinh viên có hiểu biết nhất định về pháp luật nói chung và pháp luật về quốc phòng và an ninh nói riêng; có ý thức chấp hành pháp luật, có khả năng tuyên truyền, vận động và giáo dục về pháp luật góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống.

Góp phần bồi dưỡng kỹ năng, năng lực sư phạm cần thiết để giảng dạy, hướng dẫn tổ chức giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp.

### **10.63. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (04 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung chủ yếu đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại trong giai đoạn hiện nay.

Trang bị kiến thức cơ bản về nội dung nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; những kết quả đã đạt được về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và một số vấn đề cần bổ sung, phát triển, các giải pháp tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; trên cơ sở đó xây dựng tư duy mới cho sinh viên về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

### **10.63. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam (04 tín chỉ)**

Môn học tập trung nghiên cứu Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; kiến thức về đại dương và chủ quyền biển, đảo Việt Nam; kiến thức về Luật pháp Quốc tế và Luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nội dung, giải pháp tăng cường bảo vệ biển đảo trong thời kỳ mới. Trên cơ sở đó góp phần quản lý, bảo vệ chủ quyền, phát triển bền vững các vùng biển, đảo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **11. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

### **11.1. Hướng dẫn thực hiện**

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó:

#### **11.1.1. Tổ chức lớp học**

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

#### a) Lớp ngành học

Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

#### b) Lớp học phần

Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lý học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kỳ và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kỳ chính và tuần thứ 3 của học kỳ phụ.

### 11.1.2. Đăng kí khối lượng học tập

#### a) Khối lượng học tập trong mỗi học kỳ

Khối lượng tối thiểu không ít hơn  $2/3$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá  $3/2$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

#### b) Đăng ký học

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khoá biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 1 tháng. Đăng ký bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ. Đăng ký muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

- Riêng đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

c) Đăng ký học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy:

Ngoài hai trường hợp đăng ký học lại ở trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng ký

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký đối với năm học có 02 học kỳ chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 03 học kỳ chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

### 11.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

- + Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
- + Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
- + Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
- + Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;
- + Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;
- + Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

- + Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;
- + Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;
- + Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;
- + Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;



+ Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

+ Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;

- Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;

- Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;

- Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;

- Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

## **11.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng**

### **11.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

### **11.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo**

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

### **11.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo**

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

### **11.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo**

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

**HIỆU TRƯỞNG**